

| TT | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN | LỚP     | ĐIỂM |      | ĐIỂM TỔNG KẾT |              | Ghi chú |
|----|------------|---------------------|---------|------|------|---------------|--------------|---------|
|    |            |                     |         | GVHD | GVPB | SỐ            | CHỮ          |         |
|    |            |                     |         | 2    | 3    | 5             |              |         |
| 1  | 1813119326 | Trần Việt Anh       | N18TPM1 | 5.7  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 2  | 1813119349 | Lê Đức              | N18TPM2 | 7.3  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 3  | 1813119358 | Ngô Thanh Hải       | N18TPM2 | 6.1  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 4  | 1813119387 | Nguyễn Hồng Khoa    | N18TPM2 | 9.3  | 5.0  | 6.7           | Sáu phẩy Bảy |         |
| 5  | 1813119385 | Nguyễn Văn Tường    | N18TPM2 | 6    | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 6  | 1813119394 | Ngô Thanh Long      | N18TPM2 | 5.8  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 7  | 1813119405 | Trần Bảo Ngọc       | N18TPM2 | 7    | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 8  | 1813119409 | Trần Văn Nhớ        | N18TPM2 | 5.1  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 9  | 1813119429 | Huỳnh Trần Anh Quân | N18TPM2 | 9.7  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 10 | 1813119333 | Phạm Thành Công     | N18TPM3 | 6.3  | 7.0  | 6.7           | Sáu phẩy Bảy |         |
| 11 | 1813119335 | Nguyễn Mạnh Cường   | N18TPM3 | 7    | 3.0  | 0.0           | Không        |         |
| 12 | 1813119347 | Bùi Xuân Đoài       | N18TPM3 | 7.2  | 8.0  | 7.7           | Bảy phẩy Bảy |         |
| 13 | 1813119341 | Nguyễn Tấn Dương    | N18TPM3 | 6.2  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 14 | 1813119357 | Huỳnh Trường Hải    | N18TPM3 | 5.7  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 15 | 1813119388 | Trần Ngọc Khôi      | N18TPM3 | 9.1  | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
| 16 | 1813119399 | Hồ Hải Quân Nam     | N18TPM3 | 9.1  | 6.0  | 7.2           | Bảy phẩy Hai |         |
| 17 | 1813119430 | Nguyễn Văn Quốc     | N18TPM4 | 7    | 0.0  | 0.0           | Không        | LP      |
|    |            |                     |         |      |      |               |              |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 4  | 24%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 13 | 76%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 17 | 100%  |         |

LẬP BẢNG

KIỂM TRA  
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA  
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 11 năm 2013  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân